

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày: 02-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/TLST-HS, ngày 02 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn T, sinh năm 1990 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: ấp 3, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Xuân C và bà Tô Thị V; có vợ (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; ngày bị tạm giữ 24-6-2017; ngày bị bắt, tạm giam 03-7-2017; có mặt.

2. Lê Văn B, sinh năm 1990 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc L và bà Lê Thị V; có vợ (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; ngày bị tạm giữ 24-6-2017; ngày bị bắt, tạm giam 03-7-2017; có mặt.

3. Lê Văn H (tên gọi khác: H tóc dài), sinh năm 1994 tại Nghệ An; nơi cư trú: xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: không; trình độ học

vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Phan Thị T; tiền án: không; tiền sự: không; ngày bị bắt, tạm giam 31-10-2017; có mặt.

4. Lê Văn B1, sinh năm 1992 tại Phú Yên; nơi cư trú: khu phố P, Phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Võ Thị N; tiền án: tại bản án hình sự sơ thẩm số 201/2012/HSST ngày 25-7-2012, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Ngày 13-11-2012, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2014/HSST ngày 24-02-2014, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Ngày 04-10-2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2015/HSST ngày 10-03-2015, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 (hai) năm tù về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Ngày 23-12-2016, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: không; ngày bị tạm giữ 24-6-2017; ngày bị bắt, tạm giam 03-7-2017; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Chu Thị T, sinh năm 1966, nơi cư trú: 15, Lê Tấn Q, phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Lê Nguyễn Thành N, sinh năm: 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, hiện đang chấp hành án tại trại giam P, huyện P, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Anh Phan Tấn N, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nơi tạm trú: ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Anh Trịnh Thành S, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 11, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú: ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Anh Lê Thanh P, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Anh Tô Văn P, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Anh Ngô Thanh T, sinh năm 1993; nơi đăng kí hộ khẩu thường trú: khu phố 3, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; nơi tạm trú: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Anh Hoàng Thành Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đặng Văn T, Lê Văn B, Lê Văn B1 và Lê Văn H là bạn bè quen biết với nhau. T, B, B1 và H không có việc làm ổn định và thuê phòng trọ tại ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương ở chung, cùng sử dụng ma túy và mua bán ma túy.

Trong thời gian sinh sống tại đây, T là người mua ma túy về phòng trọ phân thành từng tép nhỏ bán lại cho các con nghiện kiếm lời. T thường cho B, B1, H ma túy để sử dụng. Khi T đi vắng hoặc đang ngủ nếu có con nghiện tới phòng trọ mua ma túy thì B, B1 và H bán ma túy cho con nghiện rồi lấy tiền đưa cho T.

Từ tháng 4-2017, T thường xuống địa bàn huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy của đối tượng tên P (không rõ lai lịch), mỗi lần T mua ít nhất 500.000 đồng, nhiều nhất 2.300.000 đồng. Loại ma túy là Heroin và Methamphetamine (ma túy đá). Khi mua 500.000 đồng heroin T phân nhỏ được khoảng 15 tép, bán giá 100.000 đồng/tép, mua 500.000 đồng ma túy đá T phân thành 02 tép bán giá 500.000 đồng/tép hoặc phân thành 03 tép bán giá 300.000 đồng/tép bán lại cho các con nghiện, cụ thể như sau:

- Lê Nguyễn Thành N (T): khoảng cuối tháng 5-2017, N đến phòng trọ của T mua 100.000 đồng ma túy (Heroin), N đưa tiền nhưng T kêu N đi mua bánh và nước ngọt về phòng cùng ăn uống. Ngoài ra, T và N còn khai nhận, đầu tháng 5-2017, N đến phòng trọ của T ở chung với T khoảng 02 tuần, T cho N ma túy sử dụng. Trong thời gian này T đưa ma túy cho N bán cho đối tượng tên Đ 02 lần, một lần 300.000 đồng, một lần 200.000 đồng và bán cho đối tượng tên Đ một lần 300.000 đồng. Ngoài ra, vào thời gian khoảng cuối tháng 5 đầu tháng 6-2017, N đến phòng trọ của T thì T, B và B đang ngủ, H còn thức nên N hỏi mua 01 tép ma túy nhưng H không bán, do đang lên cơn nghiện nên sau khi năn nỉ H thì H lấy ma túy của T bán cho N 01 tép (heroin) số tiền 100.000 đồng, sáng hôm sau N đem tiền đến trả cho T.

Phan Tuấn N: khoảng tháng 5-2017, T bán thiếu cho N 02 tép ma túy với số tiền 200.000 đồng tại phòng trọ của T, sau đó một thời gian N quay lại phòng trọ của T mua thêm 01 tép với số tiền 100.000 đồng và trả cho T 170.000 đồng

và cầm cố cho T 01 chiếc điện thoại, đến chiều cùng ngày N quay lại trả tiền cho T và nhận lại điện thoại. Ngoài ra, những lúc N đến phòng trọ nhưng T không có mặt tại phòng trọ thì B bán ma túy cho N khoảng 05 lần.

Trịnh Sơn T: T là công nhân làm tại Công ty RK thuộc khu công nghiệp B, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. T ở chung khu nhà trọ với T nên cả hai quen biết nhau. Trong thời gian từ tháng 4-2017, T thường xuyên đến phòng trọ của T để mua ma túy sử dụng, nếu T không có mặt tại phòng trọ thì gặp Lê Văn B mua ma túy từ B. Trong đó, T bán cho T khoảng 30 tép ma túy (heroin), B bán cho T khoảng 30 tép. T mua thiếu chưa trả tiền cho T.

Lê Thanh P (P): P và T quen biết do cùng sử dụng ma túy. Khoảng tháng 5-2017, P đến phòng trọ của T mua 01 tép ma túy đá với số tiền 500.000 đồng và cùng bạn sử dụng tại phòng của T. Một thời gian sau P gọi điện cho T đem ma túy đá đến khu vực nhà thờ L bán cho P 01 lần với số tiền 500.000 đồng nhưng P mới trả cho Thương 250.000 đồng.

Tô Văn P (P): khoảng 19 giờ ngày 21-6-2017, P dẫn theo Lê Văn Đ đến phòng trọ của T mua ma túy. Khi đến nơi Đ đưa cho P 200.000 đồng, P mua 02 tép ma túy và đưa cho Đ 01 tép, 01 tép P sử dụng tại phòng trọ của T. Ngoài ra, T, Đ, P còn khai nhận trong thời gian từ tháng 3-2017 đến ngày bị bắt, T bán ma túy cho P khoảng 05 lần, những lúc P đến phòng trọ nhưng T không có mặt tại phòng trọ hoặc đang ngủ thì B bán ma túy cho P. Tổng cộng B bán cho P khoảng 15 lần, mỗi lần mua từ 01-02 tép.

Lê Văn Đ: ngày 21-6-2017, Đ được Tô Văn P dẫn theo đến phòng trọ của T mua ma túy. Khi đến nơi Đ đưa cho P 200.000 đồng, P mua 02 tép ma túy và đưa cho Đ 01 tép, 01 tép P sử dụng tại phòng trọ của T.

Ngô Thanh T (T): Đặng Văn T và Ngô Thanh T có mối quan hệ bạn bè quen biết. Trong thời gian từ tháng 4-2017, T nhiều lần đến phòng trọ của T gặp T hoặc B mua ma túy sử dụng, loại ma túy là heroin, mỗi lần T mua từ 01-02 tép, giá mỗi tép 100.000 đồng. T trực tiếp bán ma túy cho T khoảng 05 lần, B bán cho T khoảng 10 lần. Ngày 23-6-2017, T đến phòng trọ của T mua ma túy nhưng T đang ngủ trên gác, Lê Văn B và Lê Văn H ngủ tại tấm nệm dưới sàn nhà, Lê Văn B không có mặt tại phòng trọ. T đánh thức B và hỏi mua ma túy thì B đánh thức H nói với H “*đồ ở đâu bán cho T kìa*” (đồ có nghĩa là ma túy), H đưa cho B 01 ống nhựa hình trụ tròn chứa ma túy, B lấy 02 tép heroin bán cho T và lấy 200.000 đồng bỏ vào túi quần rồi cất giấu ống chứa ma túy dưới tấm nệm và ngủ tiếp. T cất giấu 02 tép ma túy vào tất chân bên phải rồi điều khiển xe mô tô vào khu công nghiệp B đi tìm nơi sử dụng thì bị Công an xã L kiểm tra hành chính, thu giữ vật chứng 02 tép ma túy nói trên. Qua làm việc T khai nhận mua ma túy của B nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành bắt giữ T, B, B1, H và khám xét nơi ở của T, thu giữ vật chứng.

Hoàng Thành Đ (Đ): Đ quen biết với Lê Văn H và nhiều lần đến phòng trọ của H và T chơi nên biết T bán ma túy. Vào khoảng 22 giờ một ngày trong

tháng 5/2017, Đ gọi điện cho T hỏi mua ma túy đá và nói đem đến quán bida N thuộc ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương giao cho Đ, T đồng ý. Lúc này H đang ở phòng trọ nên T giao cho H 02 gói ma túy đá nói H đem giao cho Đ và nói với H “*đi giao cho Đ, bán sao thì bán phải đưa về cho tao 1.000.000 đồng*”, H đồng ý và nhận 02 gói ma túy đi giao cho Đ. Khi đến quán N gặp Đ, H đưa cho Đ 01 gói ma túy và lấy 300.000 đồng. Cách 1-2 ngày sau, Đ gọi điện cho T hỏi mua ma túy nhưng T không nghe máy mà đưa cho H nghe. Đ hỏi mua 300.000 đồng ma túy và kêu H đem đến quán N giao cho Đ như lần trước và lấy 300.000 đồng, số tiền này H giữ tiêu xài cá nhân chưa đưa cho T.

Ngoài ra, T còn khai nhận bán ma túy cho đối tượng tên T (không rõ lai lịch) 01 lần vào tháng 5-2017 với số tiền 150.000 đồng. B khai nhận bán cho cho một số người công nhân công ty RK nhưng không biết nhân thân, lai lịch.

Đối với các đối tượng tên P bán ma túy cho T, đối tượng tên Đ, Đ, T mua ma túy của T và N chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi mua ma túy sử dụng của Phan Tuấn N đã bị Tòa án nhân dân huyện B xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Đối với hành vi của Lê Nguyễn Thành N mua ma túy của T sử dụng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là 750.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-CAH ngày 10 tháng 01 năm 2018 là đúng quy định pháp luật.

Đối với hành vi của Ngô Thanh T mua ma túy để sử dụng, trên đường đi bị phát hiện, thu giữ số ma túy có số lượng 0.0108gam không đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69/QĐ-HSMT ngày 10 tháng 01 năm 2018.

Đối với hành vi sử dụng ma túy của Tô Văn P, Lê Văn Đ, Hoàng Thành Đ, Trịnh Sơn T, Lê Thanh P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ban hành công văn đề nghị Ủy ban nhân dân xã L lập hồ sơ giáo dục tại xã, phường theo Nghị định 111/2013/NĐ của Chính phủ.

Quá trình điều tra các bị cáo Đặng Văn T, Lê Văn B, Lê Văn B1, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo Lê Văn H không thành khẩn nhận tội. Qua lời khai của bị cáo Đặng Văn T, Lê Văn B, người mua ma túy Lê Nguyễn Thành N, Hoàng Thành Đ đã được đối chất trong quá trình điều tra có căn cứ xác định Lê Văn H có vai trò giúp sức cho Đặng Văn T bán ma túy cho các con nghiện.

Quá trình điều tra xác định Đặng Văn T thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng.

Theo bản kết luận giám định số 311/MT-PC54 ngày 29-6-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương giám định và kết luận: mẫu chất gửi giám định (80 đoạn ống hút nhựa đựng trong hộp hình trụ tròn thu giữ tại phòng trọ của Đặng Văn T) có trọng lượng 0,4796 gam, có heroin, hàm lượng 53,78%. Mẫu chất gửi giám định (02 đoạn ống hút nhựa thu giữ của Ngô Thanh T) có trọng lượng 0,01.08 gam, có hêrôin, trọng lượng quá ít không đủ yếu tố giám định hàm lượng. Mẫu chất gửi giám định (gói nilon chứa tinh thể màu trắng) có trọng lượng 14,9891gam không tìm thấy các tiền chất và các chất ma túy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Đặng Văn T, Lê Văn B, Lê Văn B1 và Lê Văn H đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy.

Về vật chứng:

Kiểm tra hành chính Ngô Thanh T thu giữ 02 tép heroin (02 đoạn ống hút màu đỏ hàn kín 02 đầu).

Khám xét nơi ở của T, B, B1 và H thu giữ: 01 ống nhựa hình trụ tròn, có nắp (dạng ống viên sỏi) bên trong ống nhựa có chứa 80 đoạn ống hút nhựa hàn kín 02 đầu (40 đoạn màu đỏ, 40 đoạn màu tím); 01 ống thủy tinh, dụng cụ sử dụng ma túy đá, tên gọi là nõ có 01 đầu cong; 01 ống nhựa có nắp màu đỏ khoan 02 lỗ tròn ở nắp, 01 lỗ cắm ống hút màu tím; 04 ống hút nhựa (03 cái màu tím, 01 cái màu đỏ); 04 cái kéo kim loại (01 cái dài 19cm, 01 cái dài 14 cm, 01 cái dài 10 cm, 01 cái dài 8,5 cm cùng màu trắng); 01 bình thủy tinh hình bầu dục cắm 01 ống hút nhựa màu tím, 01 ống hút nhựa màu vàng; 03 hộp quẹt ga; 01 chai nước bằng nhựa nắp xanh, 01 nắp nhựa màu đỏ trên hình phễu; 01 chai nước muối súc miệng; 01 ly nhựa trong suốt có nắp vặn, phần nắp khoét 01 lỗ bỏ 01 bình thủy tinh; 01 con dao tự chế cán nhựa màu trắng dài 45cm; 01 con dao tự chế cán quần bằng keo đen dài 54cm; 01 ống sắt hình vuông dài 70cm; 01 thanh kim loại dẹp dài 55cm, bản rộng 04cm; 01 gói nilon bên trong chứa tinh thể màu trắng.

Đặng Văn T giao nộp: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng (nứt mặt kính góc phải), số thuê bao 0981979844 là phương tiện liên lạc mua bán ma túy; 01 xe mô tô kiểu dáng Wave màu đỏ, biển số 52P5-8041; 01 giấy đăng ký xe máy số 0682794, tên Chu Thị T; số tiền 410.000 đồng.

Xe mô tô kiểu dáng Wave màu đỏ, biển số 52P5-8041 quá trình điều tra xác định do bà Chu Thị T là người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe. Năm 2013, bà T bán xe này cho người đàn ông tên T (không rõ lai lịch) nhưng không làm thủ tục sang tên chuyển quyền sở hữu. Xe này T mua lại từ tiền bán ma túy mà có.

Lê Văn B giao nộp: số tiền 200.000 đồng bán ma túy cho Ngô Thanh T.

Lê Văn B1 giao nộp: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng (nút màn hình) số thuê bao 0925339123 là phương tiện liên lạc mua bán ma túy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng.

Bản Cáo trạng số 07/KSĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Đặng Văn T, Lê Văn B, Lê Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Văn B1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (do áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội) đối với bị cáo Đặng Văn T, xử phạt bị cáo T từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (do áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội) đối với bị cáo Lê Văn B, xử phạt bị cáo B từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (do áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội) đối với bị cáo Lê Văn H, xử phạt bị cáo H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (do áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội) đối với bị cáo Lê Văn B1, xử phạt bị cáo B1 từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 ống nhựa hình trụ tròn, có nắp (dạng ống viên sỏi) bên trong ống nhựa có chứa 80 đoạn ống hút nhựa hàn kín 02 đầu (40 đoạn màu đỏ, 40 đoạn màu tím); 01 ống thủy tinh, dụng cụ sử dụng ma túy đá, tên gọi là nõ có 01 đầu cong; 01 ống nhựa có nắp màu đỏ khoan 02 lỗ tròn ở nắp, 01 lỗ cắm ống hút màu tím; 04 ống hút nhựa (03 cái màu tím, 01 cái màu đỏ); 04 cái kéo kim loại (01 cái dài 19cm, 01 cái dài 14 cm, 01 cái dài 10 cm, 01 cái dài 8,5 cm cùng màu trắng); 01 bình thủy tinh hình bầu dục cắm 01 ống hút nhựa màu tím, 01 ống hút nhựa màu vàng; 03 hộp quẹt ga; 01 chai nước bằng nhựa nắp xanh, 01 nắp nhựa màu đỏ trên hình phễu; 01 chai nước muối súc miệng; 01 ly nhựa trong suốt có nắp vặn, phần nắp khoét 01 lỗ bỏ 01 bình thủy tinh; 01 con dao tự chế cán nhựa màu trắng dài 45cm; 01 con dao tự chế cán quắn bằng keo đen dài 54cm; 01 ống sắt hình vuông dài 70cm; 01 thanh kim loại dẹp dài 55cm, bản rộng 04cm; 01 gói nilon bên trong chứa tinh thể màu trắng, là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định.

+ 01 xe mô tô kiểu dáng Wave màu đỏ, biển số 52P5-8041; 01 giấy đăng ký xe máy số 0682794, tên Chu Thị T. Xe này Thương khai mua lại từ tiền bán ma túy mà có nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng (nứt mặt kính góc phải), số thuê bao 0981979844 của Đặng Văn T; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng (nứt mặt kính), số thuê bao 0925339123 của Lê Văn B là vật chứng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

+ Số tiền 410.000 đồng Đặng Văn T giao nộp, số tiền 200.000 đồng Lê Văn B giao nộp là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

+ Quá trình điều tra xác định bị cáo T thu lợi từ việc bán ma túy số tiền 3.000.000 đồng. Buộc bị cáo T nộp ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Đặng Văn T, Lê Văn B, Lê Văn B1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Bị cáo Lê Văn H chỉ thừa nhận một phần hành vi phạm tội, cho rằng: bị cáo chỉ bán ma túy cho Đ 01 lần tại quán bi da N, các lần còn lại bị cáo không thừa nhận.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Đặng Văn T nói lời sau cùng: bị cáo sa ngã không tự thức tỉnh được con đường mình đi, trong thời gian qua bị cáo đã nhận thức được hành vi

của bị cáo là sai trái, bị cáo còn có con nhỏ, có mẹ già, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Văn B nói lời sau cùng: quá trình bị tạm giam, bị cáo đã được cảm hóa, nhận thức được lỗi lầm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trở về hòa nhập cộng đồng làm người công dân tốt cho xã hội.

Bị cáo Lê Văn B1 nói lời sau cùng: bị cáo nhất thời mua bán chất ma túy, bị cáo chỉ mua bán có 01 lần duy nhất, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Văn H nói lời sau cùng: bị cáo vi phạm pháp luật nên bị bắt do ma túy, trong thời gian bị giam giữ bị cáo thoát được ma túy, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Từ tháng 4-2017 đến ngày 23-6-2017, Đặng Văn T đến địa bàn huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy về phòng trọ phân thành từng tép nhỏ để sử dụng và bán lại cho các con nghiện trên địa bàn xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương kiếm lời. T là người trực tiếp đi mua ma túy về và tự mình phân thành từng tép nhỏ. Lê Văn B, Lê Văn B1 và Lê Văn H giúp T bán ma túy khi Thương đi vắng hoặc đang ngủ. Trong đó T trực tiếp bán khoảng 50 lần, B bán khoảng 60 lần. H bán 03 lần, B1 bán 01 lần. Số tiền thu lợi bất chính của Đặng Văn T khoảng 3.000.000 đồng. Các bị cáo T, B, H thực hiện hành vi nhiều lần. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của các bị cáo T, B, H đã vi phạm điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; bị cáo B1 bán ma túy 01 lần, khi thực hiện hành vi bị cáo có 03 tiền án chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo B1 đã vi phạm điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Các bị cáo T, B, H, B1 có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, thì:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

....

b) Phạm tội nhiều lần;

...

p) Tái phạm nguy hiểm.”.

Như vậy, hành vi của bị cáo T mua heroin về phân thành từng tép nhỏ bán cho các con nghiện và hành vi của các bị cáo B, H, B1 giúp sức cho bị cáo T bán ma túy cho các con nghiện khi bị cáo T ngủ hoặc không có nhà đã đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy.

[5] Tại phiên tòa: các bị cáo T, B, B1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy. Riêng bị cáo H, quá trình điều tra chỉ thừa nhận bán ma túy 01 lần cho Hoàng Thành Đ, không thừa nhận việc bán ma túy 02 lần cho Hoàng Thành Đ và Lê Nguyễn Thành N. Tuy nhiên, qua đối chất tại quá trình điều tra, đối chất tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo T, N, Đ, đủ cơ sở xác định bị cáo H đã thực hiện hành vi bán ma túy 03 lần.

[6] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách của Nhà nước đối với việc quản lý chất ma túy. Xét, tình hình tội phạm về ma túy hiện nay diễn biến phức tạp. Các đối tượng phạm tội ngày càng manh động, liều lĩnh, sử dụng những thủ đoạn cất giấu, vận chuyển, mua bán ma túy hết sức tinh vi, xảo quyệt, thường xuyên thay đổi địa điểm nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Việc mua bán trái phép chất ma túy dẫn đến việc người sử dụng ma túy bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, không làm chủ hành vi, không tái tạo được sức lao động, làm gia tăng các tệ nạn xã hội, lây truyền căn bệnh HIV- ADIS, gây nguy hại lớn cho gia đình và xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét nên xử bị cáo một mức án thật nghiêm tương xứng với mức độ, tính chất của hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Các bị cáo T, B, B1 thành khẩn khai báo; bị cáo T, B ăn năn, hối cải, do đó, các bị cáo T, B, B1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (do áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội).

+ Bị cáo T có mẹ là Tô Thị V tham gia thanh niên tình nguyện từ năm 1977 – 1980 được hưởng chế độ thuộc trường hợp có công với nước. Do đó, bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (do áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội).

[8] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo T là người trực tiếp đi mua ma túy về phân thành từng tép nhỏ, trực tiếp bán cho các con nghiện nên bị cáo T vừa là người chủ mưu vừa là người thực hành. Các bị cáo B, B1, H giúp bị cáo T bán ma túy cho các con nghiện nên các bị cáo B, B1, H là người thực hành tích cực. Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo T, B, H là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng mức hình phạt đối với bị cáo Bảo là còn cao nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Đối với bị cáo T, là người chủ mưu, lấy ma túy về phân thành tép nhỏ để bán thu lợi. Hội đồng xét xử xét áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[11] Hành vi của Ngô Thanh T mua ma túy để sử dụng, số ma túy thu giữ có số lượng 0.0108gam không đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69/QĐ-HSMT ngày 10 tháng 01 năm 2018 là đúng quy định pháp luật.

[12] Đối tượng tên P bán ma túy cho T, đối tượng tên Đ, Đ1, T mua ma túy của T và N chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

[13] Hành vi mua ma túy sử dụng của Phan Tuấn N đã bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[14] Hành vi của sử dụng ma túy của Lê Nguyễn Thành N, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là 750.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-CAH ngày 10 tháng 01 năm 2018 là đúng quy định pháp luật.

[15] Hành vi sử dụng ma túy của Tô Văn P, Lê Văn Đ, Hoàng Thành Đ, Trịnh Sơn T, Lê Thanh P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã L lập hồ sơ giáo dục tại xã, phường theo Nghị định 111/2013/NĐ của Chính phủ là đúng quy định pháp luật.

[16] Về biện pháp tư pháp: bị cáo Đặng Văn T thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng. Buộc bị cáo T phải nộp lại toàn bộ số tiền trên vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[17] Về vật chứng:

- 01 bì thư niêm phong ký hiệu M1, bên trong chứa 0,4252gam Heroin; 01 bì thư niêm phong ký hiệu M3, bên trong chứa 14,4410gam tinh thể màu trắng; 01 ống thủy tinh, dụng cụ sử dụng ma túy đá, tên gọi là nõ có 01 đầu cong; 01 ống nhựa có nắp màu đỏ khoan 02 lỗ tròn ở nắp, 01 lỗ cắm ống hút màu tím; 04 ống hút nhựa (03 cái màu tím, 01 cái màu đỏ); 01 bình thủy tinh hình bầu dục cắm 01 ống hút nhựa màu tím, 01 ống hút nhựa màu vàng; 01 chai nước bằng nhựa nắp xanh đậy với 01 nắp nhựa màu đỏ trên hình phễu; 01 chai nước muối súc miệng; 01 ly nhựa trong suốt có nắp vặn, phần nắp khoét 01 lỗ bỏ 01 bình thủy tinh; 03 hộp quẹt ga; 01 ống sắt hình vuông dài 70cm; 01 thanh kim loại dẹp dài 55cm, bản rộng 04cm; 01 con dao tự chế cán nhựa màu trắng dài 45cm; 01 con dao tự chế cán quắn bằng keo đen dài 54cm; 04 kéo kim loại (01 cái dài 19cm, 01 cái dài 14cm, 01 cái dài 10cm, 01 cái dài 8,5cm) cùng màu trắng là công cụ, phương tiện phạm tội, không có giá trị, không sử dụng được nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 xe mô tô kiểu dáng Wave màu đỏ, biển số 52P5-8041, SK; không có. SM: FMH4C-305443; 01 giấy đăng ký xe máy số 0682794, tên Chu Thị T, là tài sản do bị cáo T phạm tội mà có nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01-03-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng (nút màn hình) có gắn sim số; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng (nút kính góc phải) có gắn sim số, là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01-03-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

- Số tiền 610.000 đồng Đặng Văn T, Lê Văn B1 giao nộp là tiền bạc do phạm tội mà có nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 28-02-2018 của Kho bạc nhà nước huyện B).

[18] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Đặng Văn T. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 6 năm 2017. Phạt tiền bị cáo Đặng Văn T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Lê Văn B. Tuyên bố bị cáo Lê Văn B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Lê Văn B 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 6 năm 2017.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Lê Văn H. Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2017.

Căn cứ vào điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Lê Văn B1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn B1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Lê Văn B1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 6 năm 2017.

Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu và tiêu hủy: 01 bì thư niêm phong ký hiệu M1, bên trong chứa 0,4252gam Heroin; 01 bì thư niêm phong ký hiệu M3, bên trong chứa 14,4410gam tinh thể màu trắng; 01 ống thủy tinh, dụng cụ sử dụng ma túy đá, tên gọi là nõ có 01 đầu cong; 01 ống nhựa có nắp màu đỏ khoan 02 lỗ tròn ở nắp, 01 lỗ cắm ống hút màu tím; 04 ống hút nhựa (03 cái màu tím, 01 cái màu đỏ); 01 bình thủy tinh hình bầu dục cắm 01 ống hút nhựa màu tím, 01 ống hút nhựa màu vàng; 01 chai nước bằng nhựa nắp xanh đầu với 01 nắp nhựa màu đỏ trên hình phễu; 01 chai nước muối súc miệng; 01 ly nhựa trong suốt có nắp vặn, phần nắp khoét 01 lỗ bỏ 01 bình thủy tinh; 03 hộp quẹt ga; 01 ống sắt hình vuông dài 70cm; 01 thanh kim loại dẹp dài 55cm, bản rộng 04cm; 01 con dao tự chế cán nhựa màu trắng dài 45cm; 01 con dao tự chế cán quắn bằng keo đen dài 54cm; 04 kéo kim loại (01 cái dài 19cm, 01 cái dài 14cm, 01 cái dài 10cm, 01 cái dài 8,5cm) cùng màu trắng (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01-03-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 xe mô tô kiểu dáng Wave màu đỏ, biển số 52P5-8041, SK; không có. SM: FMH4C-305443; 01 giấy đăng ký xe máy số 0682794, tên Chu Thị Thúy; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng (nứt màn hình) có gắn sim số; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng (nứt kính góc phải) có gắn sim số (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01-03-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

+ Số tiền 610.000 đồng Đặng Văn T, Lê Văn B giao nộp là tiền bạc do phạm tội mà có nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 28-02-2018 của Kho bạc nhà nước huyện B).

Căn cứ vào các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Đặng Văn T, Lê Văn B, Lê Văn B1, Lê Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Ánh Tuyết